

Bản án số: 35/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 3 - 2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ND

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Trọng Đại

Bà Nguyễn Thị T Hương

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Xuân Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh ND.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh ND tham gia phiên tòa: Bà Trần T Hà - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh ND xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2023/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 157/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 - 3 - 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Sỹ Q, sinh năm 1988;

Nơi thường trú: Thôn Mai Mỹ, xã Mỹ Thắng, huyện Mỹ Lộc, tỉnh ND;

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1991;

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Mai Mỹ, xã Mỹ Thắng, huyện Mỹ Lộc, tỉnh ND;

Hiện đang cư trú tại: OKAYAMA KEN, AKAIWA SHI, SAKANABE 835-1. Nhật Bản.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Đỗ Thị Thơm và ông Lê Văn Hùng - Luật sư Công ty Luật TNHH Hùng Dũng Tộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội;

(Các đương sự đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 26/9/2003, nguyên đơn anh Trần Sỹ Q trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị T tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày 05/8/2010 tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Thắng, huyện Mỹ Lộc,

tỉnh ND. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống; đặc biệt là từ khi chị T đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản thì vợ chồng ít liên lạc với nhau và không còn quan tâm đến nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ nên anh xin ly hôn chị T.

Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung là Trần Anh Thư, sinh ngày 30/5/2017, từ khi chị T đi Nhật đến nay cháu Thư sinh sống cùng với ông bà ngoại (bố mẹ đẻ chị T). Ly hôn anh xin nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Sau đó anh Q thay đổi quan điểm: Do chị T cũng xin nuôi con nên anh nhường quyền nuôi con cho chị T, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 01 triệu đồng cho đến khi con chung trưởng thành tự nuôi sống bản thân.

Về tài sản, công nợ chung: Anh không không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

* Tại bản trình bày ý kiến ngày 11/11/2023, bị đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Q đăng ký kết hôn vào ngày 05/8/2010 tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Thắng, huyện Mỹ Lộc, tỉnh ND. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Q cờ bạc, rượu chè, thường xuyên chửi bới đánh đập chị. Anh Q còn quan hệ ngoại tình, năm 2022 khi chị đi lao động tại Nhật Bản thì anh Q tự ý đưa người phụ nữ khác về sinh sống. Tháng 4 năm 2023 chị về nước để vợ chồng hoà giải đoàn tụ nhưng không thành, chị lại đi sang Nhật Bản. Quan điểm của chị là không đồng ý ly hôn và không đồng ý giao con chung cho anh Q nuôi dưỡng. Sau đó chị T thay đổi quan điểm: Nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, không còn quan tâm đến nhau nên đồng ý ly hôn với anh Q.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Trần Anh Thư, sinh ngày 30/5/2017, từ khi chị T đi Nhật đến nay cháu sinh sống cùng với ông bà ngoại (bố mẹ đẻ chị T). Ly hôn chị xin nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung, đến tháng 5/2024 chị về nước, trong thời gian chị chưa về nước thì chị uỷ quyền cho mẹ chị (bà Trần Thị Hương) chăm sóc nuôi dưỡng cháu Thư.

Về tài sản, công nợ chung: Chị không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

* Tại đơn đề nghị ngày 22/3/2024 bà Trần Thị Hương (mẹ chị T) trình bày: Từ khi chị T đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản đến nay cháu Thư sinh sống cùng với bà; bà chăm sóc nuôi dưỡng cháu ăn học đầy đủ. Bà đồng ý nhận sự uỷ quyền của chị T về việc chăm sóc nuôi dưỡng cháu Thư trong thời gian chị T chưa về nước.

* Tại đơn ngày 21/3/2024, cháu Trần Anh Thư trình bày: Hiện nay cháu đang ở cùng bà ngoại, được bà nuôi dưỡng, chăm sóc và học tập ổn định. Vì vậy nguyện vọng của cháu muốn được tiếp tục ở với mẹ và bà ngoại.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh ND có quan điểm:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; xử lý hôn giữa anh Trần Sỹ Q và chị Nguyễn Thị T. Giao cháu Trần Anh Thư cho chị Nguyễn Thị T nuôi dưỡng; anh Trần Sỹ Q cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 01 triệu đồng.

Về án phí: Anh Q phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn chị Nguyễn Thị T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Mai Mỹ, xã Mỹ Thắng, huyện Mỹ Lộc, tỉnh ND nhưng đang cư trú ở nước ngoài nên căn cứ Điều 37, Điều 39, Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án Tộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh ND.

Các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Sỹ Q và chị Nguyễn Thị T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Thắng, huyện Mỹ Lộc, tỉnh ND nên là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, anh chị thường xuyên xảy ra mâu Tẫn do tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau. Mâu Tẫn của anh chị đã được gia đình và chính quyền địa phương hoà giải đoàn tụ nhưng không thành. Anh chị sống ly thân nhau đã lâu, không quan tâm đến nhau và không còn tình cảm với nhau. Xét mâu Tẫn của anh chị đã trầm trọng kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, anh Q xin ly hôn, chị T đồng ý, nên cần xử cho anh chị ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Trần Anh Thư, sinh ngày 30/5/2017, hiện nay cháu sinh sống cùng với ông bà ngoại (bố mẹ đẻ chị T), nguyện vọng của cháu Thư là muốn ở với mẹ và ông bà ngoại.

Ly hôn chị T xin nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung; trong thời gian chị T chưa về nước thì chị uỷ quyền cho mẹ chị (bà Trần Thị Hương) chăm sóc nuôi dưỡng cháu Thư; bà Hương đồng ý nhận sự uỷ quyền của chị T về việc chăm sóc nuôi dưỡng cháu Thư trong thời gian chị T chưa về nước.

Anh Q đồng ý giao con chung cho chị T nuôi dưỡng, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 01 triệu đồng.

Vì vậy cần giao cháu Thư cho chị T nuôi dưỡng và chấp nhận sự tự nguyện của anh Q về việc cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với nguyện vọng của các đương sự và con chung.

4] Về tài sản, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm: Anh Q phải nộp án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 236/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

1. Xử lý hôn giữa anh Trần Sỹ Q và chị Nguyễn Thị T.

2. Giao cháu Trần Anh Thư, sinh ngày 30/5/2017 cho chị Nguyễn Thị T nuôi dưỡng. Trong thời gian chị T chưa về nước thì chị T uỷ quyền cho bà Trần Thị Hương chăm sóc nuôi dưỡng cháu Thư.

Anh Trần Sỹ Q cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng) kể từ tháng 4 năm 2024 cho đến khi cháu Thư trưởng thành, lao động tự lập được.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con của người trực tiếp nuôi con.

3. Án phí sơ thẩm: Anh Trần Sỹ Q phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con; được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0004335 ngày 19 tháng 10 năm 2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh ND. Anh Q đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm, còn phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Quyền kháng cáo: Anh Q được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ. Chị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa Tận thi hành án, tự nguyện thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh ND;
- Cục THADS tỉnh ND;
- UBND xã Mỹ Thắng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tiến Dũng